

BỔ NGỮ XU HƯỚNG(趋向补语)

- Là bổ ngữ chỉ phương hướng của hành động.

V + 来/去

上	下	进	出	回	过	起
来	来	来	来	来	来	来
去	去	去	去	去	去	

❖ Tân ngữ chỉ nơi chốn:

V + O nơi chốn + 来/去

例如：老师进教室来了。

❖ Tân ngữ chỉ vật:

V + O vật + 来/去

V + 来/去 + O vật

例如：明天带作业来。

明天带来作业。

练习

A. Điền vào chỗ trống

1. 你自己走 _____ 吧，我在外面等你。
2. 你跑 _____ 这里找我是有什么事的吗？
3. 小兰啊？她刚走 _____，你在外面没看到她吗？
4. 你怎么还没 _____？我都在楼下等你半个小时了。
5. 她在那个房间看病，你过 _____ 看她吧。

B. Dịch câu

1. Chúng mình đang ở trên lầu đợi bạn, bạn mau lên đây đi.
⇒
2. Hình như có người ở bên người, bạn ra xem thử đi.
⇒
3. Ngoài trời đang lạnh đó, khoảng -5 độ, bạn mau vào nhà đi.
⇒
4. David đã đi xuống dưới rồi, bạn đừng kiu anh ấy nữa.
⇒
5. Anh ấy đã chạy về nhà rồi.
⇒